TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 57/2019/DS-PT
Ngày 26-4-2019
V/v "Tranh chấp quyền sử dụng đất và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Tống Văn Viên
Các Thẩm phán: Ông Huỳnh Đắc Đương
Ông Nguyễn Văn Giới

- Thư ký phiên tòa: Ông Thạch Huỳnh Liêm – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viên kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh: Bà Trần Hương Thủy, Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Trong các ngày 18 và ngày 26 tháng 4 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 29/2019/TLPT-DS, ngày 27 tháng 02 năm 2019 về việc "Tranh chấp quyền sử dụng đất, hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất".

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 25/2018/DS-ST, ngày 06 tháng 12 năm 2018 của Tòa án nhân dân thị xã DH bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 81/2019/QĐ-PT ngày 01 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Huỳnh Thị B, sinh năm 1937 (có mặt)
Địa chỉ: Khóm 1, phường 2, thị xã DH, tỉnh TV.
Người đại diện hợp pháp cho bà B có ông Lê Nhựt H sinh năm 1991. Địa chỉ: ấp Sóc Vinh, xã Phương Thạnh, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh, theo văn bản ủy quyền ngày 19-10-2017 (có mặt).
Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn có luật sư Hên, Văn phòng luật sư Tiến Lên, thuộc đoàn luật sư tỉnh Trà Vinh (có mặt).

2. Bị đơn: Ông Huỳnh Bá Q sinh năm 1957 (có mặt)
Địa chỉ: Khóm 1, phường 2, thị xã DH, tỉnh TV.

Người đại diện hợp pháp cho ông Q có bà Âu Thị Kim V, sinh năm 1957. Địa chỉ: Khóm 1, phường 2, thị xã DH, tỉnh TV, theo văn bản ủy quyền ngày 08-10-2018 (có mặt).

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên Qu:

- Bà Dương Thị Tr, sinh năm 1978

- Bà Bùi Thị Kim Ch, sinh năm 1966

- Ông Dương Q L, sinh năm 1981

Cùng địa chỉ: Khóm 1, phường 2, thị xã DH, tỉnh TV.

Người đại diện hợp pháp cho bà Trang, bà Ch, ông L có ông Lê Nhựt H sinh năm 1991. Cư trú ấp S, xã P, huyện CL, tỉnh TV.

- Ông Huỳnh Minh Th, sinh năm 1979 (có mặt)

- Bà Nguyễn Thị Kiều Ch, sinh năm 1980 (vắng mặt)

- Bà Âu Thị Kim V, sinh năm 1957 (có mặt)

Cùng địa chỉ: Khóm 1, phường 2, thị xã DH, tỉnh TV.

Người đại diện hợp pháp cho ông Th, bà Chinh có bà Âu Thị Kim V, sinh năm 1957 theo văn bản ủy quyền ngày 08-10-2018.

- Bà Trần Thị Ch, sinh năm 1955

Địa chỉ: Số 210, phường 4, Quận 10, thành phố H.

Người đại diện hợp pháp cho bà Ch có ông Lê Nhựt H sinh năm 1991. Địa chỉ: ấp ấp S, xã P, huyện CL, tỉnh TV và bà Trì Thị H, sinh năm 1964, địa chỉ: Khóm 1, thị trấn T, huyện T, tỉnh TV theo văn bản ủy quyền ngày 20-10-2018.

- Ông Dương Văn Qu, sinh năm 1960 (có mặt)

- Bà Phạm Thị S, sinh năm 1963 (có mặt)

- Ông Sí, sinh năm 1997 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Khóm 1, phường 2, thị xã DH, tỉnh TV.

- Ủy ban nhân dân thị xã DH, tỉnh TV.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Châu Văn H, chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã DH. Ông Hòa ủy quyền cho ông Châu Vĩnh K, chức vụ: Phó trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã DH theo văn bản ủy quyền ngày 29-10-2018 (vắng mặt).

- Trại giam BG thị xã DH, tỉnh TV.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Hoàng H, chức vụ: Giám thị trại giam BG. Ông H ủy quyền cho ông Nguyễn Văn Bé B, chức vụ: Phó Giám thị trại giam BG theo văn bản ủy quyền ngày 15-10-2018 (có mặt).

Do có kháng cáo của bà Huỳnh Thị B là nguyên đơn trong vụ án và bà Trần Thị Ch là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên Qu trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 06-9-2017, đơn khởi kiện bổ sung của nguyên đơn bà Huỳnh Thị B và trong quá trình tham gia tố tụng đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Lê Nhựt H trình bày: Nguồn gốc đất trước đây của ông Huỳnh Văn X là cán bộ Cơ sở giáo dục BG khai phá sử dụng. Năm 1984 ông X chuyển nhượng lại cho ông Võ Văn Q là cán bộ Cơ sở giáo dục BG (nay là Trại giam BG). Năm 1991 ông Q chuyển nhượng lại cho vợ chồng bà B và ông Vĩnh hợp đồng có viết giấy tay, với số tiền 450.000 đồng. Vợ chồng bà B sử dụng và đăng ký kê khai tại thửa 2256, tờ bản đồ số 1, diện tích 5.670m^2, nay đất tọa lạc khóm 1, phường 2, thị xã DH và đã có biên lai thu tiền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Bà B sử dụng phần đất này, có trồng cây Đước, đào ao nuôi cua, một phần giao cho các con bà B sử dụng. Đến khoảng năm 1998-1999 ông Q sử dụng đất đào ao nuôi tôm lấn chiếm qua đất của bà B và ông Q được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chồng lấn lên quyền sử dụng đất của bà B. Nay bà B yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 3333, tờ bản đồ số 01, đất tọa lạc tại khóm 1, phường 2, thị xã DH do ông Q đứng tên và yêu cầu ông Q trả lại cho bà B diện tích 770,2m^2 thuộc thửa 3333 đất tọa lạc tại khóm 1, phường 2, thị xã DH.

Theo bản khai của bị đơn ông Huỳnh Bá Q và quá trình tham gia tố tụng Người đại diện hợp pháp cho bị đơn bà Âu Thị Kim V và là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên Q *trình bày:* Năm 1989 gia đình bà không có đất nuôi trồng thủy sản, ông Q lúc đó đang công tác tại Cơ sở giáo dục BG có xin ban lãnh đạo cho phần diện tích đất ụ ghe để nuôi tôm. Gia đình sử dụng đất nuôi trồng thủy sản từ năm 1989 nhưng không ai phát sinh tranh chấp. Năm 2000 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và đến năm 2010 cấp đổi lại thành thửa 3333, tờ bản đồ số l, diện tích đất 3.209m^2, tọa lạc Khóm l, Phường 2, thị xã DH do ông Q đứng tên quyền sử dụng đất nhưng không ai ngăn cản và phát sinh tranh chấp. Đến năm 2017 khi ông Q làm thủ tục chuyển nhượng cho ông Thành Sơn thì phát sinh tranh chấp. Riêng đối với phần đất giáp với bà Ch trước đây có phát sinh tranh chấp nhưng các bên đã tự thỏa thuận xong, hiện tại thì bà Ch đã chuyển nhượng quyền sử dụng đất hết cho ông Thành Sơn. Do đó, ông Q không đồng ý trả lại phần đất theo yêu cầu khởi kiện của bà B và yêu cầu độc lập của bà Ch. Hiện nay tài sản trên đất tranh chấp có các loại cây tạp mọc tự nhiên, không có giá trị và không có ai trồng.

Theo đơn yêu cầu độc lập ngày 11-10-2018 của bà Trần Thị Ch và trong quá trình tham gia tố tụng người đại diện theo ủy quyền là ông Lê Nhựt H trình bày: Năm 1995 bà Ch được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 2257, diện tích 1.470 và thửa đất 2258, diện tích 6.190m^2, cùng tờ bản đồ số 01, đất tọa lạc ấp 10, xã LH huyện DH (nay là khóm 1, phường 2, thị xã DH). Trong quá trình sử dụng đất bị ông Q lấn chiếm diện tích đất tại thửa 2257 là 480,7m^2 và thửa đất 2258 là 769,3m^2, bà Ch có khiếu nại nhiều nơi nhưng vẫn không có cơ Qu nào giải quyết. Hiện phần đất lấn chiếm này ông Q đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa 3333. Hai thửa đất trên của bà Ch mạc dù đã chuyển nhượng quyền sử dụng đất hết cho ông Sơn không còn thửa đất nào giáp thửa 3333 cấp cho ông Q. Nhưng phần đất ông Q lấn chiếm có phần chồng lấn qua thửa đất 2257, 2258 vẫn còn trong thửa 3333 của bà Ch. Nay yêu

cầu ông Q trả diện tích đất 1.250m^2 thuộc thửa 3333 do ông Q đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Người có quyên lợi, nghĩa vụ liên Qu bà Dương Thị Tr, bà Bùi Thị Kim Ch, bà Dương Q L có lời khai: Thống nhất lời trình bày của nguyên đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên Qu ông Huỳnh Minh Th, bà Nguyễn Thị Kiều Ch cùng có lời khai: Thống nhất lời trình bày của bị đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên Qu ông Dương Văn Qu, bà Phạm Thị S, ông Sí: Không có lời khai.

Đại diện Ủy ban nhân dân thị xã DH ông Châu Vĩnh Ký có lời khai: Theo tư liệu 1983 quyền sử dụng đất thửa đất 3333 của ông Q thuộc một phần thửa 1115, không ai đăng ký kê khai; tư liệu năm 1999 thửa 3333 thuộc một phần thửa 2256 do ông Vĩnh đăng ký kê khai, thửa 2257 và 2258 do bà Ch đăng ký kê khai và theo tư liệu năm 2008 do ông Q kê khai đăng ký. Việc Ủy ban nhân dân huyện DH cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Q vào năm 2010 là không đúng thẩm quyền theo quy định của luật đất đai, vì diện tích đất được cấp có một phần diện tích 644,1m^2 thuộc thửa 2256 và 1.314,9m^2 rạnh công cộng nằm trong tổng diện tích chung 385ha của Cơ sở giáo dục BG được Ủy ban dân tỉnh Cửu Long giao theo Quyết định số 361/QĐ-UBT ngày 12-8-1983. Do đó không thể công nhận quyền sử dụng đất cho ông Q khi không có chủ trương của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Trại giam BG do ông Nguyễn Văn Bé B làm đại diện theo ủy quyền có lời khai: Về nguồn gốc đất tranh chấp giữa bà B và ông Q tại thửa 3333, tờ bản đồ số 1, diện tích 3.209m^2 do ông Q đứng tên quyền sử dụng đất trước đây là của Cơ sở giáo dục BG (nay là Trại giam BG) đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Cửu Long giao cho Cơ sở giáo dục BG năm 1983 theo Quyết định số 361/QĐ-UBND ngày 12/8/1983 nằm trong tổng diện tích chung 385ha. Do đó thửa 3333 của ông Huỳnh Bá Q còn nằm trong diện tích 385ha của Cơ sở giáo dục BG, cụ thể có dính 01 phần đất diện tích 644,1m^2 tại thửa 2256 và 1.314,9m^2 rạch công cộng. Tuy nhiên, thửa đất 3333 ông Q đã được cấp quyền sử dụng đất và ông Q đã đào ao sử dụng ổn định, không phát sinh tranh chấp với Trại Giam BG nên đồng ý giao cho ông Q phần diện tích đất 644,lm^2 tại thửa 2256 và 1.314,9m^2 rạch công cộng. Nay Trại giam BG không có yêu cầu đối với phần đất đã được cấp quyền sử dụng đất tại thửa 3333, tờ bản đồ số 1, diện tích 3.209m^2 do ông Q đứng tên quyền sử dụng đất đang tranh chấp với bà B.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 25/2018/DS-ST, ngày 06 tháng 12 năm 2018 của Tòa án nhân dân thị xã DH đã xử:

Căn cứ vào khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 157, khoản 2 Điều 227, Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 99, 100, 203 Luật Đất đai năm 2013; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị B yêu cầu ông Huỳnh Bá Q trả diện tích đất 770,2m^2 và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thuộc thửa 3333, tờ bản đồ số 1, diện tích 3.209m^2, đất tọa lạc khóm 1, phường 2, thị xã DH do ông Huỳnh Bá Q đứng tên quyền sử dụng đất.

Không chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Trần Thị Ch yêu cầu ông Huỳnh Bá Q trả diện tích đất 1.250m^2 thuộc thửa 3333, tờ bản đồ số 1, đất tọa lạc khóm 1, phường 2, thị xã DH do ông Huỳnh Bá Q đứng tên quyền sử dụng đất.

Công nhận quyền sử dụng đất thửa 3333, tờ bản đồ số 1, diện tích 3.209m^2 đất tọa lạc khóm 1, phường 2, thị xã DH cho ông Huỳnh Bá Q.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên vị trí tứ cận, về án phí, chi phí khảo sát, định giá và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 18-12-2019 nguyên đơn bà Huỳnh Thị B kháng cáo, yêu cầu cấp phúc thẩm xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của bà.

Ngày 19-12-2018 người có quyền lợi và nghĩa vụ liên Qu bà Trần Thị Ch kháng cáo, yêu cầu cấp phúc thẩm xét xử chấp nhận đơn yêu cầu độc lập của bà.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, nguyên đơn bà Huỳnh Thị B vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và giữ nguyên đơn kháng cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên Qu bà Trần Thị Ch vẫn giữ nguyên yêu cầu độc lập và giữ nguyên đơn kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau việc giải quyết vụ án.

Ý kiến luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên Qu: Cấp sơ thẩm không thẩm định phần đất tranh chấp theo yêu cầu độc lập của bà Ch là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Cấp sơ thẩm nhận định việc cấp đất cho ông Q là đúng nhưng cơ Qu quản lý đất đai đã khẳng định là cấp sai không đúng thẩm quyền và chưa làm rõ phần đất của Trại tạm giam để xác định thẩm quyền giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử hủy án sơ thẩm.

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân về việc giải quyết vụ án: Về thủ tục tố tụng, từ khi thụ lý vụ án cho đến phiên tòa phúc thẩm hôm nay, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ các thủ tục theo quy định của pháp luật. Về nội dung: Phần đất bà B kháng cáo là đất thuộc quản lý của cơ sở Giáo dục nên yêu cầu công nhận phần đất tranh chấp cho bà B là không có căn cứ. Đối với phần đất bà Ch kháng cáo không nằm trong phạm vi quản lý của cơ sở Giáo dục, cấp sơ thẩm chưa làm rõ việc cấp đổi đất của bà Ch trong quá trình chuyển nhượng và chưa thẩm định phần đất bà Ch yêu cầu làm ảnh hưởng quyền lợi của bà Ch nên đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của bà B và hủy một phần bản án sơ thẩm đối với yêu cầu độc lập của bà Ch để giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên có cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của các bên đương sự và Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bà Huỳnh Thị B và bà Trần Thị Ch còn trong hạn luật định phù hợp với các Điều 271, 272, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự, được Hội đồng xét xử xem xét, giải quyết.

[2] Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa ngày hôm nay đã có ủy quyền cho người có mặt tham gia tố tụng và một số người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt lần hai, không liên quan đến việc kháng cáo, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt.

[3] Về nội dung: Qua thu thập hồ sơ và các văn bản của UBND thị xã DH thấy rằng, theo Quyết định 361/QĐ-UBT ngày 27-8-1983 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cữu Long giao đất với tổng diện tích chung 385ha cho Cơ sở giáo dục BG. Ngày 31-5-2010 UBND huyện DH ban hành quyết định số 1157/QĐ-UBND về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Huỳnh Bá Q tại thửa 3333 diện tích đất 3.209m^2 trong đó có một phần diện tích 644,lm^2 thuộc thửa 2256 (do ông Dương Văn V là chồng bà B kê khai năm 1999), một phần diện tích 480,7m^2 thuộc thửa 2257, một phần diện tích 769,3m^2 thửa 2258 (do bà Ch kê khai năm 1999) và rạch công cộng diện tích 1.314,9m^2. Ngày 28-6-2018 UBND thị xã DH có văn bản số 635/UBND-NC khẳng định việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng cho ông Q tại thửa 3333 diện tích đất 3.209m^2 tờ bản đồ số 01, tọa lạc Ấp 10, xã LH (Nay thuộc khóm 2, phường 2, thị xã DH) tỉnh TV là không đúng thẩm quyền theo quy định luật đất đai vì đất thuộc quyền quản lý của Trại cải tạo BG không giao lại cho địa phương quản lý. Cho nên cấp sơ thẩm căn cứ vào việc ông Q đã kê khai năm 1989 để công nhận đất thửa 3333 cho ông Q là không đúng vì chưa làm rõ thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Q (cụ thể bằng văn bản ý kiến của cơ Qu thẩm quyền về việc cấp đất cho ông Q) do ông Q không đặt ra yêu cầu về vấn đề này nên chưa có căn cứ để xem xét hủy hay chấp nhận giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 3333 đã cấp cho ông Q nhưng cấp sơ thẩm tuyên công nhận cho ông Q là chưa đảm bảo.

[4] Xét về phần yêu cầu của bà B buộc ông Q trả diện tích 644,lm^2 thuộc thửa 2256. Thấy rằng, thửa 2256 là do bà B nhận chuyển nhượng của ông Võ Minh Q có thể hiện bằng giấy tay nhưng không thể hiện diện tích bao nhiêu được ông Dương Văn Vĩnh là chồng bà B kê khai vào sổ Mục kê đất đai năm 1999 diện tích chung là 5.670m^2. Trong đó, có một phần diện tích 644,lm^2 nằm trong thửa 3333 của ông Q. Tuy nhiên thấy rằng, như đã phân tích trên thì vào thời điểm ông V kê khai, phần đất này đã thuộc quyền quản lý của Trại cải tạo BG đã được UBND tỉnh Cữu Long giao năm 1983. Ngoài ra, phần diện tích diện tích 644,lm^2 tranh chấp ông H đại diện cho bà B khai có sử dụng một thời gian đến năm 1999 thì không còn sử dụng nhưng không có gì chứng minh việc này, thực tế người sử dụng là ông Q và trong quá trình giải quyết UBND thị xã khẳng định phần đất tranh chấp này vẫn còn thuộc của Trại cải tạo BG. Do đó, kháng cáo của bà B đòi ông Q trả diện tích 644,lm^2 thuộc thửa 2256 là không có căn cứ chấp nhận.

[5] Xét yêu cầu kháng cáo của bà Ch buộc ông Q trả một phần diện tích 480,7m^2 trong tổng diện tích 1.470m^2 thửa 2257 và một phần diện tích 769,3m^2 trong tổng diện tích 6.190m^2 thửa 2258. Thấy rằng, thửa 2257 và thửa 2258 hộ bà Ch đã được Ủy ban nhân dân huyện DH cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1995. Tuy nhiên, trong sổ mục kê người kê khai năm 1999 là bà Trần Thị Chấm kê khai, cấp sơ thẩm chưa đính chính làm rõ giữa bà Chấm và bà Ch có phải là một người hay không. Đối với hai thửa đất của bà Ch theo hồ sơ trả lời của Ủy ban nhân dân thị xã DH thì không thể hiện có nằm trong phần đất thuộc quản lý của Cơ sở giáo dục BG. Năm 2015 bà Ch đã được cấp đổi lại từ thửa 153 diện tích 3.960,1m^2 thuộc một phần của thửa 2257 và thửa 154 diện tích 3.369,6m^2 thuộc một phần thửa 2258. Như vậy, thửa 153, thửa 154 chỉ thuộc một phần diện tích của thửa 2257, thửa 2258. Cấp sơ thẩm chưa xem xét, làm rõ diện tích còn lại của thửa 2257, thửa 2258 của bà Ch còn hay không và phải thẩm định đối với phần đất mà bà Ch đã yêu cầu từ đó mới cơ sở đầy đủ để đánh giá chứng cứ chấp nhận hay không yêu cầu của bà Ch. Cấp sơ thẩm nhận định hai thửa đất của bà Ch thửa 153, thửa 154 đã lập hợp đồng chuyển nhượng toàn bộ diện tích của hai thửa đất trên cho ông Nguyễn Văn S và bà Lê Kim T nên không còn diện tích nào để yêu cầu là chưa làm hết yêu cầu của bà Ch. Do đó cần phải hủy phần này của bản án sơ thẩm để cấp sơ thẩm giải quyết lại theo quy định pháp luật.

[6] Ý kiến của luật sư bảo vệ cho nguyên đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên Quan phù hợp một phần với nhận định trên nên được chấp nhận.

[7] Chấp nhận lời đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát bác yêu cầu kháng cáo của bà Huỳnh Thị B và hủy một phần bản án sơ thẩm đối với yêu cầu độc lập của bà Trần Thị Ch.

[8] Bà Huỳnh Thị B đã trên 60 tuổi thuộc diện người cao tuổi theo quy định tại Điều 2 của Luật người cao tuổi và điểm đ khoảng 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 bà B được miễn nộp án phí sơ thẩm và án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 3 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

1. Bác yêu cầu kháng cáo của bà Huỳnh Thị B.

2. Hủy một phần bản án sơ thẩm 25/2018/DS-ST, ngày 06 tháng 12 năm 2018 của Tòa án nhân dân thị xã DH và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thị xã DH giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

3. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị B yêu cầu ông Huỳnh Bá Q trả diện tích đất 770,2m^2 và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thuộc thửa 3333, tờ bản đồ số 1, diện tích 3.209m^2, đất tọa lạc khóm 1, phường 1, thị xã DH, tỉnh TV.

4. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Buộc bà Huỳnh Thị B chịu 1.728.405 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng 2.100.000 đồng. Bà Huỳnh Thị B được nhận số tiền còn thừa 371.595 đồng tại Tòa án nhân dân thị xã DH, tỉnh TV.

5. Các đương sự không phải chịu án dân sự sơ thẩm và án phí phúc thẩm. Hoàn trả cho bà Huỳnh Thị B số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0019527 ngày 19 tháng 12 năm 2018 và hoàn trả cho bà Trần Thị Ch số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0019526 ngày 19 tháng 12 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã DH.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
-TANDTC;
-VKSND tỉnh Trà Vinh;
- TAND thị xã DH;
-CCTHADS thị xã DH;
-Các đương sự;
-Lưu HS,TDS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Tống Văn Viên